

Vô Biểu và Luật Nghi trong Luận thư của Hữu bộ thời Sơ kỳ

Aohara Norisato

TN. Thanh Trì dịch Việt

Khái niệm đặc sắc của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ là Vô biểu (avijñapti) nghiệp, được phân thành luật nghi (saṃvara), bất luật nghi (asaṃvara), phi luật nghi phi bất luật nghi (naivasamvarā nāsamvarah), trong đó luật nghi được chia thành 3 chủng loại là Biệt giải thoát luật nghi (別解脱律儀 prātimokṣa-saṃvara), Tịnh lự luật nghi (静慮律儀 dhyāna-saṃvara), Vô lậu luật nghi (無漏律儀 anāsrava-saṃvara)¹.

Trước đến nay, Vô biểu nghiệp đã được thảo luận dưới nhiều góc độ khác nhau, bao gồm trong nghị luận về tính thực hữu của nó, hay vai trò của nó như một lực tiềm ẩn, hay khái niệm về “Vô biểu sắc”, và ý nghĩa của từ “vô biểu”, v.v..., nhưng có vẻ như có rất ít đề cập đến việc phân loại vô biểu nghiệp thuộc luật nghi v.v... như ở đây². Tuy nhiên, trong khi từ ngữ hoặc khái niệm về vô biểu không được tìm thấy trong kinh điển, thì từ “luật nghi” đã được sử dụng cả trong kinh điển và luật tạng từ rất sớm. Nếu “Vô biểu nghiệp” được phân loại dựa trên luật nghi, thì đương nhiên có thể hình dung được rằng, trong A tỳ đàm Hữu bộ, luật nghi có liên quan sâu sắc đến sự hình thành khái niệm “Vô biểu nghiệp”. Và luật nghi (saṃvara) cũng là thuật ngữ quan trọng trong khái niệm thật tiễn hành của Kỳ-na giáo, từ điểm liên quan này cũng cho chúng ta ít nhiều gợi ý.

Bản thân dịch ngữ “luật nghi” cũng rất khó hiểu, nguyên ngữ saṃvara có nghĩa là “kiềm chế” hay “phòng hộ”, Chân Đế dịch là “hộ”. Trong kinh điển hay luật tạng, thường diễn tả những giới luật (giới của dục giới hệ) đặt nền tảng cho sự giải thoát bằng cách đoạn trừ phiền não cá biệt, tức biệt giải thoát luật nghi. Trạng thái giữ gìn giới luật để ác nghiệp được chế ngự, được phòng hộ, khác với người không làm như thế, đó không phải là điều có thể được nhìn nhận về bề ngoài. Ở đó, có yếu tố luật nghi được coi là avijñapti, nghĩa là nghiệp “không biểu hiện”.

¹ AKBh.205.11ff; *Thuận Chánh Lý Luận*, Taisho 29.548a24ff; *Hiển Tông Luận* Taisho 29.865b13ff, v.v...

² Việc xem vô biểu nghiệp là giới thể được nói cụ thể trong nghiên cứu của Satō Mitsuo 佐藤密雄 1971 「比丘性と戒体(無表色)」『智山学報』 19 .

Một mặt khác, mối quan tâm của các luận sư A Tỳ Đàm là thực tế tu hành đoạn trừ phiền não, tức thánh đạo luận, hơn là giới luật nhập môn. Trong việc tu hành thiền định phát huy vô lậu đạo và đoạn trừ phiền não, không có gì lạ khi người ta chú ý đến lực chế ngự đối với ác nghiệp vốn có nơi đạo. Chúng được gọi là tịnh lự luật nghi (giới của dục giới hệ) và vô lậu luật nghi (giới vô lậu), cùng với biệt giải thoát luật nghi, chúng được xem là trung tâm của sự phân loại của nghiệp vô biểu.

Tuy nhiên, không rõ tại sao và khi nào những luật nghi này được coi là vô biểu nghiệp. Trong tiểu luận này, sẽ tập trung vào những luận thư của Hữu bộ thời sơ kỳ là *Tập Dị Môn Túc Luận* và *Pháp Uẩn Túc Luận*, tôi muốn làm rõ cách xử dụng vô biểu nghiệp và luật nghi, đặc biệt là mối quan hệ với cách phân loại vô biểu nghiệp nêu trên, hy vọng sẽ góp phần tìm thấy nguồn gốc hình thành của vô biểu nghiệp.

Như đã được làm rõ bởi Mitomo Kenyo³, hai luận thư thời sơ kỳ không thể hiện quan điểm thống nhất về vô biểu nghiệp, và việc sử dụng thuật ngữ “vô biểu nghiệp” chỉ được tìm thấy ở một chỗ trong cả hai luận thư này. Trong *Pháp Uẩn Túc Luận* là ở phần giải thích về chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng của Bát Thánh đạo trong Tứ Thánh Đế, và *Tập Dị Môn Túc Luận* là ở phần vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng thuộc mười vô học pháp. Chúng ta hãy xem xét lại ví dụ này từ góc độ phân loại vô biểu nghiệp.

Pháp Uẩn Túc Luận (Taisho 26.481c20-482a3)

云何正語。謂聖弟子。於苦思惟苦。乃至於道思惟道。無漏作意相應思擇力故。除趣邪命語四惡行。於餘語惡行所得無漏。遠離。勝遠離。近遠離。極遠離。寂靜。律儀。無作。無造。棄捨。防護。船筏。橋梁。堤塘。牆塹。於所制約不踰不踰性。不越不越性。無表語業。是名正語。

云何正業。謂聖弟子。於苦思惟苦。乃至於道思惟道。無漏作意相應思擇力故。除趣邪命身三惡行。於餘身惡行所得無漏。遠離乃至無表身業。是名正業。

云何正命。謂聖弟子。於苦思惟苦。乃至於道思惟道。無漏作意相應思擇力故。於趣邪命身語惡行所得無漏。遠離乃至身語無表業。是名正命。

³ Mitomo Kenyo 三友 健容 [1976] 「アビダルマ仏教における無表業論の展開-1-」 大崎学報 129, p. 120ff.

Tập Dịch Môn Túc Luận (Taisho 26.452c21)

云何無學正語。答諸聖弟子。於苦思惟苦。於集思惟集。於滅思惟滅。於道思惟道。無學作意相應簡擇力故。除趣邪命語四惡行。於餘語惡行所得。無學遠離,勝遠離,近遠離,極遠離,寂靜,律儀,無作,無造,棄捨,防護,不行,不犯,船筏,橋梁,堤塘,牆塹,於所制約不踰不踰性,不越不越性,無表語業。是名無學正語。

(Từ sau, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng cũng như vậy nên tinh lược)

Cũng có sự tinh lược ngữ cú, ít nhiều khác nhau nhưng có thể nói là đại khái có văn tương đồng.

Theo Tanaka Kyosho⁴, tám chi thánh đạo trong kinh điển có hai chủng loại là hữu lậu và vô lậu, nhưng trong A-tỳ-đàm thì có khuynh hướng xem trọng tám chi thuộc vô lậu, đặc biệt trong Bắc truyền thì được hiểu là đạo của tứ đế hiện quán. Cụ thể là trong Hữu bộ A-tỳ-đàm thì bát thánh đạo được xem là vô lậu đạo quán tứ đế.

Điều này còn được thể hiện qua việc có câu “ư khổ tư duy khổ, ư tập tư duy tập, ư diệt tư duy diệt, ư đạo tư duy đạo, vô lậu tác ý tương ưng” là chung cho cả 8 chi trong câu trích dẫn trên⁵. “Vô lậu tác ý tương ưng tư trạch lực” là công việc của trí tuệ vô lậu biện biệt pháp. Giải thích về sự thành lập tám chi bằng trạch pháp vô lậu tư duy quán sát tứ đế này là đặc trưng của luận lý bát thánh đạo của Hữu bộ.

Trong đó, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng được làm thành một nhóm, được thống nhất bởi cùng cách giải thích, nhưng chánh ngữ được hiểu là những viển ly v.v... có được đối với những ác hành về ngữ ngoài bốn ác hành về ngữ (vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ) vốn bị xem là tà mạng, chánh nghiệp được hiểu là những viển ly v.v... có được đối với những ác hành về thân ngoài ba ác hành về thân (sát sanh, trộm cắp, tà dâm) vốn bị xem là tà mạng, chánh mạng được hiểu là những viển ly v.v... có được đối với những ác hành về thân và ngữ vốn bị xem là tà mạng. “Luật nghi” được liệt kê như là từ có ý nghĩa đồng loại với những từ như viển ly v.v... được liệt kê ở đây, và cuối cùng có kèm thêm từ “vô biểu nghiệp” của thân và ngữ (phần gạch chân).

Nếu kết hợp “luật nghi” được nêu ra ở đây với luật nghi trong phân loại của “vô biểu nghiệp”, và hiểu toàn thể là nói về vô lậu đạo, thì có thể nói, rõ ràng là có ý

⁴ Tanaka Kyosho 田中教照[1980]「八正道の展開と修行道論」『仏教学』9・10, p.136; 田中教照[1993]『初期仏教の修行道論』(山喜房仏書林) p.122ff.

⁵ Tuy nhiên, vô học chánh kiến của *Tập Dịch Môn Túc Luận* thì có khác là “盡智無生智。盡所不攝無學慧是名無學正見”.

nói đến vô lậu luật nghi. Vốn dĩ, sự phân loại về vô biểu nghiệp của luật nghi v.v..., việc phân thành ba chủng loại luật nghi là không hề có tung tích trong những luận thư này, chỉ ít thì sau đó, ba chủng loại luật nghi gồm vô lậu luật nghi mới được thành lập, và nó được cấu thành trong sự phân loại về vô biểu nghiệp, yếu tố như thế đã được thể hiện trong kỹ thuật này.

Vô lậu luật nghi cùng với tịnh lự luật nghi được nói là tùy tâm chuyển (cittānuparivartin), được xem là khác với biệt giải thoát luật nghi vốn là biểu sở khởi, tức sanh khởi do biểu nghiệp. Cụ thể là với cái liên quan đến thân, ngữ nghiệp trong vô lậu đạo, *Bà Sa Luận* có nói như sau (Taisho 27.726b29-c3):

八道支者。謂正見。正思惟。正語。正業。正命。正精進。正念。正定。正見即慧。正思惟即尋。正語業命。即隨心轉。三根所發身語無表。餘三如名即心所性。

Nghĩa là chúng được xem là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trong bát thánh đạo. Chính xác là dụng lệ vô biểu nghiệp trong luận thư thời kỳ đầu đã thể hiện cho thấy vô lậu luật nghi. Và ngoài ra, việc đây là dụng lệ về vô biểu nghiệp duy nhất trong luận thư sơ kỳ, thì chỉ ít cũng có thể nói rằng, trong hai luận thư trên, vô biểu nghiệp được phát tướng ngay từ nơi chỗ có tính chất vô lậu luật nghi⁶.

Nhân tiện, văn chương giống với hai luận thư này cũng có thể tìm thấy ở một vài luận thư A-tỳ-đàm của cả nam và bắc truyền nhưng có chút khác biệt. Tôi sẽ thử so sánh dụng lệ trong *Phẩm Loại Túc Luận* và *Vibhaṅga* của Pāli với hai luận thư trên. Sau đây sẽ trích dẫn chỉ riêng phần chánh ngữ.

Phẩm Loại Túc Luận (Taisho 26. 722a17):

正語云何。謂聖弟子等。於苦思惟苦。於集思惟集。於滅思惟滅。於道思惟道。除趣邪命語四惡行。於餘語惡行。由決擇力所引。無漏遠離、止息、各別遠離、寂靜、律儀、不作、不造、不行、不犯、不毀分限、堤塘、橋梁、船筏、棄捨軌則、不違、不越、不違越住。是名正語⁷。

Vibhaṅga p.106

⁶ Satō [1971] (p.166ff) cho rằng, giới thể của thời sơ kỳ chính là đạo sanh luật nghi (vô lậu luật nghi), biệt giải thoát luật nghi được thành lập sau đó.

⁷ Cf. *Chúng Sự Phẩn A Tỳ Đàm Luận* (Taisho 26.653a26) 云何正語。謂賢聖弟子。於苦思惟苦。乃至於道思惟道。無漏意思惟相應。除邪命口四過。餘口惡行。無漏數滅,不作,不爲,收攝律儀,等護,自防,不作惡行, 不作過罪,堅固堤塘住,堅固不犯住。是名正語。

Tattha katamā sammāvācā? Yā catūhi vacīduccarītehi āraṭi virati paṭivirati veramaṇī akiriya akaraṇaṃ anajjhāpatti velā-anatikkamo setughāto sammāvācāmaggaṇaṃ maggapariyāpannaṃ: ayaṃ vuccati sammāvācā.⁸

Những từ ngữ gần nghĩa mỗi mỗi được liệt kê mang ý nghĩa như “xa lìa” tức viễn ly (āraṭi), “không thực hiện” tức bất tác (akiriya), “phòng hộ” tức đề đường 堤塘 (setughāta), đều là biểu hiện chế ngự ác hành. Thật ra nguyên tuyền của những biểu hiện này cũng có trong kinh điển Hán dịch. Ví dụ như “遠離除斷。不行不作不合不會。是名正語” (*Trung A Hàm Kinh* Taisho 1, 469a29), “不樂著固守。執持不犯。不度時節。不越限防。是名正業” (*Tạp A Hàm Kinh* Taisho 2, 203c1)⁹, trong luận thư thì tần số từ có ý nghĩa tương tự tăng lên, và hai luận thư sơ kỳ của Hữu bộ thì con số ấy càng nhiều.

Điều đáng chú ý là từ “luật nghi” chỉ tồn tại trong luận thư hữu bộ, và trong đó, từ “vô biểu nghiệp” chỉ được thêm vào trong luận thư sơ kỳ. Chính vì có những giải thích chung không chỉ trong luận thư Hữu bộ mà cả ở luận thư của Pāli như thế, nên có lẽ cách định nghĩa bát thánh đạo bằng văn mạch này là cách định nghĩa nguyên hình từ trước thời kỳ phân phái, và ở đó, trong truyền thừa của Hữu bộ có từ “luật nghi” được thêm vào, và trong hai luận thư sơ kỳ thì từ “vô biểu nghiệp” cuối cùng đã được thêm vào sau, có thể suy đoán có khả năng như thế¹⁰. Nếu hiểu

⁸ Cf. *Dhammasaṅgaṇī* p.63ff. Katamā tasmim samaye sammāvācā hoti? yā tasmim samaye catūhi vacīduccarītehi āraṭi virati paṭivirati veramaṇī akiriya akaraṇaṃ anajjhāpatti velā-anatikkamo setughāto sammāvācā maggaṇaṃ maggapariyāpannaṃ - ayaṃ tasmim samaye sammāvācā hoti.

⁹ Cả hai đều được tìm thấy trong văn mạch giải thích bát thánh đạo như các văn bản nọ, nhưng *Kinh Trung A Hàm* chỉ giống ở phần chánh ngữ, chánh nghiệp, còn chánh mạng có cách giải thích khác. *Kinh Tạp A Hàm* thì cả ba chi đều giống với luận thư của Hữu bộ, có lẽ là đã theo truyền thừa của Hữu bộ. Không thể tìm thấy văn giải thích như thế trong kinh điển Pāli. Dù sao thì có vẻ như ba chi này có hấp thụ khác với bát chi thánh đạo khác. Tôi sẽ khảo sát thêm điều này vào một cơ hội sau.

¹⁰ Người viết nghĩ rằng, cho dù có xem rằng lục túc luận có thời kỳ thành lập trước sau khác nhau, thì cũng có thể là vừa hỗ tương hoàn bị bổ sung cho nhau theo cách sách tham khảo của giáo khoa khác, vừa tiến sâu dần theo tư tưởng Hữu bộ, và được liên tục cải订 đến một thời đại nhất định. Sự tình này có lẽ có khác với *Phát Trí Luận* vốn có quyền uy có tác giả đặc định. Phải xem rằng, bản Huyền Trang dịch hiện còn hầu hết là sách tham khảo của đương thời mà Hữu bộ của thời đại Huyền Trang đã sử dụng trong “cùng thời đại”. Chỉ ít thì *Pháp Uẩn Túc*

như thế thì từ “vô biểu nghiệp” ở đây không thể không có cảm giác kém tự nhiên, rằng nó đã được gắn thêm vào. Lý do nó không được đưa vào *Phẩm Loại Túc Luận* có lẽ là vì thể loại sách khảo sát về bát thánh đạo thì các luận thư thời kỳ đầu đã làm, nên nó đã bị bỏ qua chẳng. Mặt khác, mặc dù không phải là không có khả năng rằng nó đã bị xóa bỏ trong *Phẩm Loại Túc Luận*, nhưng thật khó để nghĩ ra lý do vì sao phải xóa đi những gì vốn đã được coi là một lý thuyết chính thống mà cũng được thừa nhận cả trong *Bà Sa Luận*.

Tóm lại, khái niệm “luật nghi” trong giải thích vốn đã được hình thành là viễn ly, bất tác, phòng hộ khỏi ác hành thuộc thân và ngữ trong giải thích chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là đã được đưa vào thêm, và cuối cùng nó đã được xem là “vô biểu nghiệp”. Và có thể hiểu rằng, luật nghi ở đây có ý nghĩa là vô lậu luật nghi như đã nói ở trên.

Luật nghi ở đây đã được hạn định bởi hai nghiệp thân và ngữ. Từ “luật nghi” khi chưa có khái niệm vô biểu nghiệp trong giai đoạn sơ kỳ có lẽ là từ đã được đưa vào nhằm để thống nhất theo cách A-tỳ-đàm về cái gọi là chế ngự hai nghiệp thân và ngữ. Tuy nhiên, nếu khảo sát đến bất luật nghi, phi luật nghi phi bất luật nghi v.v... thì dù thế nào cũng không thể gom cái không phải luật nghi vào trong từ luật nghi được, nên đã nảy sinh ra khái niệm thống nhất mới mẻ hơn là “vô biểu nghiệp”, có thể suy đoán như thế.

Suy đoán này đương nhiên là cần phải khảo sát thêm những dụng lệ về “luật nghi”.¹¹

Key word: 無表業、律儀、八聖道、法蘊足論、集異門足論、avijñapti、saṃvara

(pdf: https://www.jstage.jst.go.jp/article/ibk1952/53/2/53_2_876/_pdf/-char/en)

Luận và Tập Dị Môn Túc Luận của thời sơ kỳ, như đã được chỉ điểm là có sự tương tự với *Vibhaṅga* và *Dhammasaṅgānī* từ xa xưa, rõ ràng, luận thư nguyên hình của nó là đã tồn tại từ trước khi phân phái, và nó chỉ đã được cải订 theo cách của hữu bộ. Việc cải订 này có lẽ đã kéo dài cho đến thời khá là về sau chẳng.

¹¹ Về những dụng lệ liên quan luật nghi khác trong luận thư sơ kỳ vốn đã trình bày trong lần phát biểu tại đại hội đều phải nhường cho bài viết khác vì liên quan đến số trang quy định của tạp chí.